PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

*Nguyễn Thị Báo**

Người khuyết tật tuy là nhóm người yếu thế trong xã hội nhưng họ cũng là một con người, nên họ có các quyền con người như mọi thành viên khác trong xã hội. Việc quyền của người khuyết tật được ghi nhận trong pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý cho sự tôn trọng và bảo đảm quyền của người khuyết tật. Vấn đề đặt ra là cần phải hiểu rõ pháp luật về quyền của người khuyết tật là gì? Pháp luật có vai trò gì trong việc thực hiện quyền của người khuyết tật?

1. Pháp luật về quyền của người khuyết tật

Trước khi đề cập pháp luật về quyền của người khuyết tật, trước hết, cần tìm hiểu ***pháp luật về quyền con người***.

Dưới góc độ là một phạm trù pháp lý, quyền con người có mối quan hệ gần gũi, gắn bó với pháp luật. Với tư cách là chủ thể của pháp luật, con người cùng với quyền, tự do và nghĩa vụ luôn là đối tượng phản ánh của các hệ thống pháp luật. Pháp luật đóng vai trò là hình thức quy phạm chung nhất, biểu thị quy tắc bình đẳng giữa con người với con người. Nguyên tắc bình đẳng chi phối bản chất và vai trò của pháp luật, khiến cho pháp luật ở khía cạnh cơ bản là sự quy tắc hóa các quy luật hợp lý của đời sống xã hội, để từ đó tác động trở lại xã hội theo hướng bảo đảm cho mọi cá nhân đều được tôn trọng nhân phẩm, tự do và bình đẳng về các quyền, nghĩa vụ. Như vậy, pháp luật có vai trò đặc biệt và không thể thay thế trong việc nâng cao và bảo vệ các nhu cầu, lợi ích và giá trị nhân bản của con người. Trong khi đó, con người, với tư cách là chủ thể của xã hội, đồng thời cũng là chủ thể của các quan hệ pháp luật. Do vậy, các nhu cầu, lợi ích cùng quyền và nghĩa vụ của con người, là những thành tố tất yếu trong các quan hệ pháp luật.

Giữa pháp luật và quyền con người có quan hệ biện chứng, thể hiện:

Pháp luật là phương tiện chính thức hóa, pháp lý hóa giá trị xã hội của các quyền tự nhiên, biến các quyền tự nhiên, chọn lọc thành các quy phạm pháp luật, từ đó xã hội hóa giá trị của nhân quyền tự nhiên thành quyền con người.

Pháp luật là phương tiện bảo đảm giá trị thực tế của quyền con người. Vì, chỉ khi các quyền con người được bảo đảm bằng pháp luật, mới xuất hiện tính cưỡng chế bắt buộc trong việc thực hiện với mọi chủ thể trong xã hội. Lúc đó, các quyền con người sẽ được bảo vệ và bảo đảm thực hiện thông qua bộ máy nhà nước.

Pháp luật là phương tiện chuyển tải các điều kiện đảm bảo khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và xã hội với nhân quyền trong phạm vi một quốc gia. Trong quan hệ quốc tế, pháp luật là phương tiện thực hiện các cam kết quốc tế về nhân quyền giữa các quốc gia.

Tuy sự hình thành của pháp luật và quyền con người không đồng nhất, nhưng lịch sử phát triển của quyền con người gắn bó mật thiết với lịch sử phát triển của pháp luật và chỉ khi với tư cách là một phạm trù pháp lý, được thể chế hóa thành các quy phạm pháp luật, quyền con người mới trở thành một giá trị xã hội ổn định, chi phối tổ chức, hoạt động của các nhà nước, cấu trúc của các xã hội và ảnh hưởng tới quan hệ quốc tế.

* Thạc sỹ, Viện Nghiên cứu Quyền con người – Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Từ phân tích trên cho thấy, nói đến quyền con người là nói đến phạm trù pháp lý. Vậy pháp luật về quyền con người là gì?

Theo quan niệm hiện nay, pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước, yếu tố bảo đảm sự ổn định và trật tự xã hội. Từ khái niệm chung về pháp luật có thể nêu *khái niệm pháp luật về quyền con người bao gồm tổng thể những quy phạm pháp luật, điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức và thực hiện các quyền cơ bản của con người trên các lĩnh vực dân sự và chính trị; kinh tế, xã hội và văn hóa.*

Các quan hệ xã hội được pháp luật về quyền con người điều chỉnh là các quan hệ trên mọi mặt dân sự và chính trị; kinh tế xã hội và văn hoá. Trong các quan hệ đó, một bên là nhà nước, các cán bộ công chức nhà nước với một bên là công dân (khi đó là quan hệ pháp luật về quyền con người trong pháp luật quốc gia). Và là quan hệ giữa một bên là các chính phủ và các tổ chức liên chính phủ với một bên là tổ chức quốc tế về quyền con người (khi đó là quan hệ pháp luật về quyền con người trong Luật quốc tế).

Người khuyết tật trước hết là một con người, nên pháp luật về quyền của người khuyết tật chính là pháp luật về quyền con người của người khuyết tật. Do đó, có thể khẳng định: *pháp luật về quyền của người khuyết tật là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức và thực hiện các quyền cơ bản của người khuyết tật trên các lĩnh vực dân sự, chính trị; kinh tế, xã hội và văn hóa.*

2. Vai trò của pháp luật trong việc thực hiện quyền của người khuyết tật

Vai trò của pháp luật trong việc thực hiện quyền của người khuyết tật được thể hiện trên những phương diện sau:

Thứ nhất, pháp luật về quyền của người khuyết tật thể chế hóa đường lối của Đảng ta là tôn trọng, bảo vệ và quan tâm đặc biệt đến người khuyết tật.

Pháp luật về quyền của người khuyết tật thể chế hóa đường lối nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam là lấy con người làm trung tâm của mọi chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Đảng ta khẳng định: *"Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người"*[1].

Đảng ta chủ trương *"Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội..."*, *"tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển. Dân chủ hóa đời sống xã hội; quyền công dân, quyền con người và tự do cá nhân được bảo đảm bằng pháp luật thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật"*[2]. Người khuyết tật là nhóm người chịu nhiều thiệt thòi, do vậy, Đảng ta xác định quan tâm tạo điều kiện cho người khuyết tật thực hiện các quyền cơ bản của con người là trách nhiệm và lương tâm của toàn Đảng, toàn dân, cho nên phải: *"Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Thực hiện các chính sách bảo trợ trẻ mồ côi, lang thang cơ nhỡ, người già neo đơn, nạn nhân chiến tranh, người tàn tật"*[3].

Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người nói chung, quyền của người khuyết tật nói riêng là quan điểm chỉ đạo của Đảng và trở thành nguyên tắc hiến định trong lịch sử lập hiến Việt Nam.

Ngay từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đã ghi nhận: *"Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện, chính trị, kinh tế, văn hóa"* (Điều 6). Đối với *"những người công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì được giúp đỡ"* (Điều 14).

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, *Chiến lược ổn định phát triển kinh tế – Xã hội đến 2000*, Nxb Sự thật, Hà Nội, trang 8

[2] Sách đã dẫn, trang 10.

[3] Đảng cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 116.

Quy định này tiếp tục được kế thừa và phát triển ở các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 và được cụ thể hóa trong các văn bản luật và dưới luật tạo cơ sở pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật trên mọi mặt của đời sống xã hội.

Pháp luật thừa nhận quyền của người khuyết tật là quyền của nhóm người đặc thù cần được quan tâm bảo vệ, thể hiện ở các quyền ưu đãi về việc làm, cơ hội học tập, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng, bảo hiểm xã hội v.v.

Vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm thực hiện quyền của người khuyết tật còn được thể hiện ở chỗ pháp luật có sức mạnh giáo dục to lớn đối với mọi tầng lớp nhân dân, làm cho họ hiểu biết và quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về bảo vệ quyền của người khuyết tật.

Thứ hai, pháp luật là phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật.

Pháp luật ghi nhận các quyền của người khuyết tật được xã hội thừa nhận. Thông qua pháp luật, quyền của người khuyết tật được bảo vệ. Để bảo đảm quyền của người khuyết tật, pháp luật đưa ra những điều cấm và những hành vi bắt buộc phải làm nhằm ngăn ngừa và chống lại các hành vi vi phạm quyền của người khuyết tật. Quyền của người khuyết tật được pháp luật xác nhận là thiêng liêng, không thể xâm hại một cách tùy tiện và được bảo vệ bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục và cưỡng chế nhà nước.

Trong quá trình phát triển đất nước, quyền của người khuyết tật ngày càng được củng cố, hoàn thiện. Nhờ có pháp luật mà quyền của người khuyết tật được mọi người tôn trọng và bảo vệ: *"Chỉ thông qua pháp luật quyền con người mới trở thành ý chí và mục tiêu hành động chung của toàn xã hội, có tính bắt buộc chung đối với toàn xã hội"*[4].

Pháp luật là phương tiện, công cụ không chỉ của Nhà nước mà của cả người khuyết tật để bảo vệ và thực hiện các quyền cơ bản của họ. Một mặt, pháp luật là công cụ sắc bén, hữu hiệu của Nhà nước để bảo đảm thực hiện quyền của người khuyết tật. Trên cơ sở của pháp luật, mọi hành vi vi phạm quyền của người khuyết tật đều phải được xử lý nghiêm minh. Do đó, pháp luật trở thành thước đo kết quả bảo đảm thực hiện quyền của người khuyết tật. Mặt khác, pháp luật là phương tiện để người khuyết tật có điều kiện bảo vệ mình. Bởi vì, pháp luật là cơ sở vững chắc để người khuyết tật đòi quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Pháp luật là đại lượng để kiểm tra, đánh giá các quyết định của Nhà nước, hành vi của cán bộ, công chức nhà nước và các thành viên khác của xã hội trong việc bảo đảm thực hiện quyền của người khuyết tật. Pháp luật còn là phương tiện hữu hiệu để khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật khi nó bị xâm hại. Pháp luật đồng thời cũng là chỗ dựa tin cậy của người khuyết tật trong việc nhận thức tự đánh giá, tin tưởng vào khả năng của mình, để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, gia đình và xã hội.

Thứ ba, pháp luật tạo điều kiện cho việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm quyền của người khuyết tật.

Trong xu thế hội nhập, pháp luật không chỉ đóng vai trò tích cực trong điều chỉnh các quan hệ xã hội ở phạm vi của mỗi quốc gia, mà còn là phương tiện quan trọng trong hội nhập quốc tế. Vấn đề quyền con người cũng như quyền của người khuyết tật không còn là vấn đề của một người, một cộng đồng, một quốc gia mà trở thành mối quan tâm chung của cả nhân loại. Do đó, pháp luật là phương tiện để các quốc gia tham gia hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế, bảo đảm cho quyền của người khuyết tật được tôn trọng và bảo đảm thực hiện ở mỗi quốc gia đồng thời phù hợp với pháp luật quốc tế.

Ngày nay, loài người đang phải đương đầu với những thách thức to lớn là đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, vấn đề ô

[4] Nguyễn Văn Mạnh (1992), Xây dựng và hoàn thiện bảo đảm pháp lý thực hiện quyền con người trong điều kiện đổi mới ở nước ta hiện nay, Luận án PTS Luật học, Hà Nội, trang 47

nhiễm môi trường, dịch bệnh, xung đột sắc tộc, tôn giáo, đói nghèo; chế tạo và thử nghiệm vũ khí hạt nhân, vũ khí hoá học... là những nguyên nhân làm gia tăng số người khuyết tật. Do đó, đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vì mục tiêu tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho con người phát triển toàn diện. Cũng vì lẽ đó, Liên hợp quốc đã thông qua hơn 50 Văn kiện quốc tế bảo vệ quyền tự do của con người, trong đó có người khuyết tật. Đặc biệt, với sự nỗ lực và quan tâm chung của cộng đồng quốc tế, Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật, văn kiện pháp lý quan trọng về quyền của người khuyết tật đã được Liên hợp quốc thông qua vào tháng 11 năm 2006. Liên hợp quốc cũng khuyến nghị và yêu cầu các quốc gia phải có nghĩa vụ trong việc bảo đảm thực hiện quyền của người khuyết tật, trong đó có việc xây dựng hệ thống pháp luật quốc gia phù hợp với pháp luật quốc tế, nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết quốc tế đã nêu trong các công ước quốc tế mà quốc gia đã phê chuẩn hoặc tham gia. Và một khi pháp luật quốc gia đã phù hợp với pháp luật quốc tế sẽ trở thành phương tiện quan trọng trong việc bảo đảm quyền của người khuyết tật trong phạm vi quốc gia và tranh thủ sự trợ giúp, hợp tác quốc tế để đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền của người khuyết tật.

Tóm lại, người khuyết tật là nhóm người dễ bị tổn thương, và do khuyết tật nên họ gặp nhiều khó khăn trong quá trình hưởng thụ quyền. Từ đó cho thấy cần phải có một hệ thống pháp luật hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho người khuyết tật thực hiện các quyền cơ bản của con người, để người khuyết tật hoà nhập và phát triển.

(Tiếp theo trang 17 – Xã hội làng Việt...)

cổ truyền, những yếu tố của xã hội dân sự đã được nuôi dưỡng: các hội được tự do hoạt động trong một nền tự trị rộng rãi của làng xã. Trong không gian của các hội, người Việt tuy chưa phải là những con người cá nhân nhưng cũng là có cá tính.

Nền văn hoá nói trên là một điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay. Tập quán lập hội của người Việt xưa cần phải được tính đến trong việc xây dựng Luật về hội hiện nay. Từ những kinh nghiệm trên lưu ý chúng ta những vấn đề dưới đây trong việc xây dựng luật về Hội.

Hội trong truyền thống của người Việt là một không gian của những người cùng sở thích, cùng sự quan tâm, được hưởng một sự tự do, độc lập miễn là không vi phạm pháp luật của nhà nước. Hội là một không gian ngoài Nhà nước mà không phải là một cánh tay nối dài của nhà nước. Mọi sự Nhà nước hoá hội là trái với bản chất của hội, và không phù hợp với truyền thống văn hoá Việt Nam.

Hội lên tiếng trước những bất cập của việc quản lý nhà nước. Hội phải có vai trò thanh nghị. Các hội tư vấn, văn chỉ ngày xưa bây giờ không còn nữa nhưng "hồn" của các hội đó vẫn còn dư âm trong xã hội hiện đại. Bức xúc trước những bất cập của việc quản lý nhà nước, có thể người ta sẽ tìm thấy cái hồn thanh nghị trong những câu chuyện "trà dư tửu hậu" thậm chí là trong những câu chuyện "đầu đường xó chợ". Luật về Hội cần phải tính đến việc tái thiết tinh thần thanh nghị của các hội ngày xưa.

Cái thiếu của xã hội cổ truyền Việt Nam là ý thức cá nhân. Con người của xã hội dân sự là con người ý thức đầy đủ về quyền và khẳng định giá trị tự tại của mình. "Con người không phải là cái bình để rót nước đầy vào mà là một ngọn lửa phải đốt cháy lên". (Plutarque). Khi cá nhân luận phương Tây du nhập vào Việt Nam, người ta mới chợt nhận thấy: "Ta là một, là riêng, là thứ nhất". (Xuân Diệu). Xã hội dân sự có nghĩa là tạo ra một xã hội không gian khai thông cho sự phát triển thiên tư cá nhân thay cho kiểu nghĩ/và làm "xấu đều hơn tốt lỏi", "khôn độc không bằng ngốc đàn".